

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 11

Tổ : 002

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04292

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202

Nhóm : 11

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138072	NGUYỄN TỰ HIẾU	DH13TD	<i>HT</i>	1	1	2,4	3,4	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154111	HOÀNG NGỌC HOÀI	DH13OT	<i>HN</i>	1	1	2,4	3,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137062	HỒ THANH HOÀNG	DH13NL	<i>HT</i>	1	0,9	2,4	4,3	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13155009	BÙI THỊ ÁNH	DH13KN	<i>BT</i>	1	1	2,6	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118163	LÂM THÁI HÙNG	DH13CC	<i>LT</i>	1	1	2,6	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137069	NGUYỄN MẠNH HÙNG	DH13NL	<i>HN</i>	1	1	2,6	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154123	PHẠM HÙNG	DH13OT	<i>HN</i>	1	0,9	2,6	4,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12112279	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	DH13TY	<i>NT</i>	1	1	2,7	4,1	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137167	NGUYỄN THÀNH HƯNG	DH13NL	<i>NT</i>	1	0,9	2,6	4,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13155126	HỨA THỊ MAI HƯƠNG	DH13KN	<i>HT</i>	1	1	2,6	4,7	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154026	TRẦN VĂN KHÁ	DH13OT	<i>TV</i>	1	1	2,6	4,1	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154126	NGUYỄN VŨ KHANG	DH13OT	<i>NV</i>	1	1	2,6	3,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13121073	PHẠM CÔNG KHÁNH	DH13PT	<i>PC</i>	1	1	2,7	4,3	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138094	PHẠM DUY KHÁNH	DH13TD	<i>PD</i>	1	0,8	2,6	3,1	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154027	NGUYỄN LÊ KHOA	DH13OT	<i>NL</i>	1	1	2,6	3,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153130	TRẦN VĂN KHOA	DH13CD	<i>TV</i>	1	0,9	2,6	3,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138096	VÕ ANH KHOA	DH13TD	<i>VA</i>	1	1	2,7	4,3	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202

Nhóm : 11

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13117057	LÊ VĂN KHƯƠNG	DH13CT		1	1	2,6	4,4	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13153138	TRẦN QUANG KỲ	DH13CD		1	0,8	2,6	3,4	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13111288	PHẠM LÊ HẢI LÂM	DH13CN							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138103	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	DH13TD		1	1	2,4	4,4	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13155014	HUỲNH ĐỨC LINH	DH13KN		1	0,9	2,4	3,7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH13OT		1	1	2,4	3,3	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118201	NGUYỄN TẤN LỘC	DH13CK		1	1	2,4	3,3	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154144	ĐOÀN LỢI	DH13OT		1	1	2,4	3,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153146	TRẦN TẤN LỢI	DH13CD		1	0,9	2,4	3,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13155160	NGUYỄN THỊ DIỄM MAI	DH13KN		1	1	2,4	5,1	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11116101	LÊ NGỌC MÃN	DH11NT		1	1	2,4	4,2	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13155174	TRẦN CÔNG NGHĨA	DH13KN		1	1	2,4	5,6	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13116511	LÊ THỊ CHÚC NGUYỄN	DH13NY		1	1	2,4	5,6	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đào

Lê Anh Tuyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201

Nhóm : 11

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155052	VÕ THỊ THANH AN	DH13KN			1	2,6	4,4	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154001	VÕ TRƯỜNG	DH13OT			1	2,6	3,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118075	VŨ VĂN ANH	DH13CC			1	2,6	4,4	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13131008	NGUYỄN NGỌC BÍCH	DH13CH			1	2,6	3,4	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH13OT			0,9	2,6	3,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT			1	2,6	2,6	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13112027	VÕ THÀNH CHÍN	DH13TY			1	2,6	4,9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154006	HOÀNG MINH CHƯỜNG	DH13OT			1	2,6	3,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154088	ĐÀO THẾ CƯỜNG	DH13OT			1	2,6	3,6	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334033	NGUYỄN VĂN DÂN	CD13CI							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13155072	NGUYỄN HỒ MỸ DIỆP	DH13KN			1	2,6	4,4	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13155073	CAO THỊ PHƯƠNG DUNG	DH13KN			1	2,6	3,4	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13155078	NGUYỄN TIẾN DŨNG	DH13KN			1	2,6	3,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154007	NGUYỄN HUỖNH DUY	DH13OT			1	2,4	3,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154008	VÕ THANH DUY	DH13OT			0,9	2,4	3,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13116340	ĐẶNG THỊ DUYÊN	DH13NY			1	2,4	4,9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154009	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	DH13OT			1	2,4	3,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201

Nhóm : 11

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (1%)	Đ 2 (3%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13112040	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	DH13TY			1	2,6	4,7	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13120185	TRẦN TRUNG ĐIỂN	DH13KM							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13153078	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	DH13CD			1	2,6	3,7	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13154095	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	DH13OT			1	2,6	4,4	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13121036	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	DH13PT			0,9	2,4	3,5	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13154104	LÊ HỮU HÀI	DH13OT			0,9	2,4	2,7	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13137002	NGUYỄN TẤN HẬU	DH13NL			1	2,6	4,9	8,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13154017	NGUYỄN VĂN HẬU	DH13OT			0,9	2,4	3,2	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13154106	PHAN VĂN HẬU	DH13OT			1	2,4	4,6	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL			1	2,4	3,6	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13154020	ĐẬU NGỌC HIẾU	DH13OT			1	2,4	5,4	8,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH13OT			1	2,4	3,9	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13121049	NGUYỄN NGỌC HIẾU	DH13PT			1	2,4	4,1	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Thị Kim Thủy

Lê Anh Tuyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203

Nhóm : 11

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (%10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155196	TRẦN THỊ MỸ	NHIÊN	DH13KN	<i>Thy</i>	1	2,6	4,4	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13120337	LÊ THÚY	QANH	DH13KT	<i>Thy</i>	0,9	2,4	3,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	13112221	LÊ MINH	PHONG	DH13TY	<i>P2</i>	0,9	2,4	5,2	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	10112132	ĐẶNG MAI	PHÚC	DH10TY	<i>Phy</i>	1	2,4	5,6	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13138154	HUỖNH VĂN	PHÚC	DH13TD	<i>Phy</i>	1	2,4	5,1	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13155209	LÊ MINH	PHÚC	DH13KN	<i>Phy</i>	1	2,4	3,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
7	13154045	TẶNG HỒNG	PHÚC	DH13OT	<i>Phy</i>	1	2,4	3,1	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13118239	HUỖNH VŨ	PHƯƠNG	DH13CK	<i>Phy</i>	1	2,6	4,9	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13154158	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13OT	<i>Phy</i>	1	2,6	3,2	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	13130262	DƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	DH13DT	<i>Thy</i>	1	2,6	4,4	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13137112	NGUYỄN MINH	QUAN	DH13NL	<i>Phy</i>	1	2,6	3,4	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13154161	THƯỢNG MINH	QUANG	DH13OT	<i>Thy</i>	1	2,6	3,9	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13155026	ĐẶNG THỊ NGỌC	QUÝ	DH13KN	<i>Phy</i>	1	2,6	3,9	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13154165	NGUYỄN DUY	QUYÊN	DH13OT	<i>Phy</i>	1	2,6	4,4	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13153196	THÂN VĂN	QUYẾT	DH13CD	<i>Thy</i>	1	2,6	4,2	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
16	13155224	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	DH13KN	<i>Phy</i>	1	2,7	4,3	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13154049	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13OT	<i>Thy</i>	0,9	2,6	4,0	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203

Nhóm : 11

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11112191	TRẦN CÔNG SON	DH11TY			1	2,6	5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	10142131	NGUYỄN THỊ THẢO	DH10DY			1	2,6	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT			1	2,6	4,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD			1	2,6	4,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13116189	HUỖNH MINH TÂN	DH13NT			1	2,6	4,9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH13OT			1	2,6	3,1	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154174	TRẦN DUY THANH	DH13OT			1	2,6	4,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13131508	TRẦN THỊ NGỌC	DH13TK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13116649	THÁI THỊ THẨM	DH13NY			1	2,7	5,6	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153211	HUỖNH VÕ MINH THẮNG	DH13CD			1	2,6	4,1	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13117142	ĐỖ NGỌC HOÀN THIÊN	DH13CT			1	2,6	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154056	VÕ HOÀN THIÊN	DH13OT			1	2,6	4,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10142159	MAI HOÀNG PHƯỚC THỊNH	DH10DY			0,9	2,6	4,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Ngọc Sang

Lê Anh Tuyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204

Nhóm : 11

Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (16 %)	Đ 2 (30 %)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153024	LÊ VĂN THUẬN	DH13CD		1	1	2,6	4,2	7,8		
2	13117145	ĐỖ THỊ THANH	DH13CT		1	1	2,6	4,4	8,0		
3	13153025	ĐẶNG VĂN THUYẾT	DH13CD		1	1	2,6	4,2	7,8		
4	13116694	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	DH13NY		1	1	2,6	4,4	8,0		
5	11116004	MAI THANH TIẾN	DH11NT		1	1	2,7	5,3	9,0		
6	09111039	PHAN ĐÌNH MINH TIẾN	DH09CN17								
7	11116088	NGUYỄN HỮU TÔN	DH11NT		1	1	2,6	2,7	6,3		
8	13154063	TRẦN MINH TRÍ	DH13OT		1	0,9	2,6	4,0	7,6		
9	13153240	NGUYỄN CÔNG TRIỂN	DH13CD		1	1	2,7	3,3	7,0		
10	11112229	HỒ NGUYỄN TRẦN TRUNG	DH11TY		1	1	2,6	3,9	7,5		
11	13154065	NGUYỄN VĂN TRUNG	DH13OT		1	1	2,6	2,8	6,4		
12	11116092	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	DH11NT		1	1	2,6	3,2	6,8		
13	13154198	LÊ ANH TUẤN	DH13OT		1	1	2,6	4,9	8,5		
14	13153256	LÊ XUÂN TUẤN	DH13CD		1	0,9	2,6	4,3	7,8		
15	11112234	NGUYỄN DUY TUẤN	DH11TY		1	1	2,7	4,3	8,0		
16	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC		1	1	2,6	4,9	8,5		
17	13137155	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13NL		1	1	2,6	3,9	7,5		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị học-208416

Ngày Thi : 24/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 11 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13153026	PHẠM LÂM ANH	TUẤN	DH13CD	1	1	2,6	2,9	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13111558	LÊ VĂN	TÙNG	DH13CN	1	1	2,6	3,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11112040	NGUYỄN MINH	TUYẾN	DH11TY	1	1	2,6	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154204	TRẦN PHƯỚC	TƯỜNG	DH13OT	1	1	2,6	4,1	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138255	PHÙNG ANH	VĨ	DH13TD	1	1	2,6	3,2	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154208	NGUYỄN THẾ	VIỄN	DH13OT	1	1	2,6	2,9	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138251	ĐỖ NGỌC	VIỆT	DH13TD	1	1	2,6	3,9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13111574	NGUYỄN THÀNH	VỌNG	DH13CN	1	1	2,6	2,9	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12111309	NGUYỄN VĂN	VƯƠNG	DH12CN	1	0,9	2,6	4,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153031	TRẦN THẾ	VƯƠNG	DH13CD	1	0,9	2,6	4,1	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13121209	NGUYỄN TRẦN HIỀN	VY	DH13PT	1	1	2,6	4,4	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: : 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Bp

Lê Anh Tuyết